TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2024/DS-PT
Ngày 22/4/2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thành;

Ông Trần Nam Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Thành, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Sơn Cươl, Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2024/TLPT-DS ngày 25 tháng 01 năm 2024, về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 99/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 42/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Thạch Q;

Địa chỉ: Ấp X, thị trấn Ph, huyện Th, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Minh T, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: Số 197, đường H, Phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Lý Thị Th;

Địa chỉ: Ấp X, thị trấn Ph, huyện Th, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Dương Phấn Kh; địa chỉ: Số 757/34A, Hẻm 757, đường V, khóm 3, Phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (văn bản ủy quyền ngày 17/02/2022). (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Thạch S (X); (vắng mặt)

2. Bà Thạch Thị Th1; (có mặt)

3. Ông Thạch H; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

4. Bà Thạch Thị H1; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

5. Bà Đoàn Thanh Th2; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp X, thị trấn Ph, huyện Th, tỉnh Sóc Trăng.

6. Ông Hồ Anh D;

7. Ông Hồ Thanh B;

8. Ông Hồ Thanh Q1;

Cùng địa chỉ: Số 521, Tổ 8, ấp 1, xã Ph, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Địa chỉ liên hệ: Số 107, đường N, phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. (đều vắng mặt)

9. Ông Lý Vàng G; (có mặt)

10. Bà Lý Thị Th3; (vắng mặt)

11. Bà Danh Thị Th4 (Ph); (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp X, thị trấn Ph, huyện Th, tỉnh Sóc Trăng.

12. Ông Lý Quang M;

Địa chỉ: Số 16/63/19A, đường K, Phường 9, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

13. Ông Lý Văn D1;

14. Ông Lý Hoàng A;

15. Ông Lý S;

16. Bà Lý Thị X;

17. Ông Lý S1;

18. Bà Lý Thị D2;

19. Ông Lý Ch;

20. Ông Lý Nh;

21. Ông Lý Tr;

Cùng địa chỉ: Ấp X, thị trấn Ph, huyện Th, tỉnh Sóc Trăng. (đều vắng mặt)

- *Người kháng cáo*: Ông Dương Phấn Kh - Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Lý Thị Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 11 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Thạch Q trình bày:

Cha mẹ ông là cụ Thạch D3 (chết ngày 04/02/2015) và cụ bà Lý Thị S2 (chết ngày 30/9/1998) có phần đất diện tích 2.290,4m^2, thuộc thửa số 12, tờ bản đồ số 121, tọa lạc ấp X, thị trấn Ph, huyện Th, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất này cha mẹ của ông sử dụng trước năm 1975, đã kê khai đăng ký tên trên sổ mục kê nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cha mẹ ông chết không để lại di chúc, hai cụ có 03 người con là ông Thạch X, Lý Thị Xà R (chết năm 1999) và ông. Phần đất thửa số 12 được ông và ông X quản lý, sử dụng đến nay. Vào năm 2010, Đoàn đo đạc của Bộ Tài nguyên và Môi trường xuống địa phương đo đạc, lập bản đồ chính quy, phần đất của cha mẹ ông đã lập hồ sơ kỹ thuật thửa đất, số hiệu thửa đất số 12, tờ bản đồ địa chính số 121, số hiệu mãnh bản đồ 041524-1-b, mục đích sử dụng đất ở đô thị và đất trồng cây lâu năm khác, tên chủ sở hữu là ông. Sau đó, ông làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng ông Lý Vàng G (hộ liền kề) không ký giáp ranh nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khoảng năm 2020, ông G tiến hành đổ đất lắp đìa bao ngạn phần đất thửa số 12 của gia đình ông nên tranh chấp. Quá trình hòa giải cơ sở đã tiến hành đo đạc phần đất của ông G đúng diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đóng trụ ranh, phần còn lại giao cho ông. Đến tháng 6/2020, bà Lý Thị Th cho rằng phần đất thửa số 12 có một phần của cha mẹ bà nên thuê xe dự định đổ đất xây nhà trên phần đất của gia đình ông chiều ngang 10m, dài 45m, tổng diện tích 450m^2, nên phát sinh tranh chấp và hòa giải cơ sở không thành.

Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận cho ông quyền sử dụng phần đất thửa số 12, diện tích 2.290,4m^2, tờ bản đồ số 121, tọa lạc ấp X, thị trấn Ph, huyện Th, tỉnh Sóc Trăng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông xác định phần đất thửa số 12, tờ bản đồ số 121 của cha mẹ ông chết không để lại di chúc, ông yêu cầu công nhận cho ông, ông X và bà Xà R quyền sử dụng đất thửa số 12, theo diện tích thực đo 2.367,5m^2 và yêu cầu bà Th, ông G giao trả diện tích đất tranh chấp là 658,1m^2, thửa đất số 12, tờ bản đồ số 121, tọa lạc ấp X, thị trấn Ph, huyện Th, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi được công nhận quyền sử dụng đất thửa số 12, ông sẽ thỏa thuận chia với ông X và người thừa kế của bà Xà R. Trong quá trình chia nếu phát sinh tranh chấp, ông sẽ khởi kiện vụ án khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Lý Thị Th là ông Dương Phấn Kh trình bày:

Cụ Sơn Thị Ch1 (chết) là mẹ của bà Th có chồng và 07 người con gồm bà Lý Thị S3 (chết), ông Lý G1 (chết), ông Lý S2 (chết), bà Danh Thị Ph, bà Lý Thị Th3, ông Lý Vàng G và bà Th. Cụ Ch1 và cụ Lý Ngọc S4 chết có để lại phần đất ngang giáp đường Quốc lộ 1A khoảng 20,5m và ngang sau khoảng 10m, không để lại di chúc nhưng các cụ có nguyện vọng được xây nhà mồ trên phần đất này. Đến năm 2020, khi các anh, chị, em của bà Th tiến hành đổ đất xây nhà mồ thì cháu là ông Thạch Q ra ngăn cản và cho rằng phần đất dự định

xây nhà mồ là của cha mẹ ông Q để lại, từ đó phát sinh tranh chấp, có yêu cầu địa phương giải quyết và tiến hành đo đạc lại diện tích đất thì phát hiện phần đất tranh chấp không có ai đứng tên quyền sử dụng đất. Ngày 12/6/2020, bà Th có làm đơn yêu cầu hòa giải để hợp thức hóa quyền sử dụng đất và tiến hành xây dựng tháp nhà mồ cho ông bà, cha mẹ cũng như anh chị em và con cháu của bà Th sau này, Tổ hòa giải động viên nhường lại cho ông Q phần đất ngang 05m nhưng bà Th không đồng ý. Sau đó, bà Th tiếp tục yêu cầu Ủy ban nhân dân thị trấn giải quyết cho anh, chị, em bà Th tiến hành xây tháp nhà mồ với diện tích chiều ngang 10m, phần còn lại anh, chị, em bà Th đồng ý giao cho ông Q sử dụng, nhưng ông Q không đồng ý và khởi kiện đến Tòa án.

Bà Th không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Q đối với phần đất 658,1m^2, thửa đất số 12, tờ bản đồ số 121, tọa lạc ấp X, thị trấn Ph, huyện Th, tỉnh Sóc Trăng. Do phần đất tranh chấp để lại nhằm mục đích xây tháp thờ của gia đình, không cho riêng ai nên bà Th không yêu cầu công nhận đất và gia đình sẽ tự thỏa thuận, khi nào xác định người quản lý sẽ làm thủ tục sau. Đối với phần diện tích còn lại của thửa đất số 12, bà Th không có ý kiến hoặc yêu cầu gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch S (X) là bà Thạch Thị H2 trình bày:

Ông X thống nhất với yêu cầu của ông Q, đồng ý nhận một phần đất được chia. Trong phần đất của ông X có phần diện tích đất đã chia cho anh trai và chị dâu Đoàn Thanh Th2 nên gia đình đồng ý công nhận cho bà Th2 phần đất ngang 05m x dài hết thửa đất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị Th1 trình bày:

Bà là cháu ngoại của cụ D3 (cha ruột ông Q và ông X). Từ nhỏ bà sống với ông, bà ngoại tại nhà ông X hiện nay, trong thời gian sống trên đất bà thấy ông ngoại có đào đìa để phân biệt ranh với đất ông G, trước đây do nhầm lẫn bà khai phần đìa do ông G xác định đúng ranh đất là chưa chính xác, bởi đìa do ông ngoại bà đào làm ranh đã bị ông G lắp và nó ở tại vị trí ranh do ông Q xác định là đúng. Bà đồng ý với yêu cầu của ông Q công nhận quyền sử dụng đất thửa số 12, theo diện tích đất đã được Tòa án đo đạc cho ông Q, ông X và mẹ của bà. Sau khi được công nhận quyền sử dụng đất, bà và các em sẽ thỏa thuận với các cậu việc chia đất nên không yêu cầu tranh chấp trong vụ án này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thanh Th2 trình bày:

Chồng bà tên Thạch H3 (con của ông X), bà về sống trên đất tranh chấp từ năm 2007. Trong thời gian này, chồng bà có trồng trọt trên đất, còn bà đi làm thuê nên không quan tâm đến ranh đất giữa các bên. Việc bà sử dụng đất là của cha chồng cho, bà yêu cầu được nhận một phần đất trong diện tích của cha chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Vàng G trình bày:

Ông không có ý kiến và yêu cầu đối với phần đất của ông Q, riêng phần đất đang tranh chấp từ trụ đá đến giữa đìa (mương nước) là của cha, mẹ ông để lại nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Q. Trừ phần diện tích đất tranh chấp, phần còn lại ông không có ý kiến và yêu cầu gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị Th3 trình bày:

Phần đất tranh chấp của cha mẹ để lại nhằm xây nhà mồ, trước đây mẹ bà sống với ông G ở bên cạnh đất tranh chấp nên giao đất lại cho ông G quản lý. Bà không đồng ý yêu cầu của ông Q, đất đo từ trụ đá đến đìa chỗ có cây gừa là cha mẹ để lại xây tháp mộ của gia đình nên yêu cầu giữ lại. Trừ phần đất này, phần còn lại của bên gia đình ông Q nên bà không ý kiến và yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Danh Thị Th4 trình bày:

Bà là con của cụ Lý Ngọc S4 và cụ Sơn Thị Ch1, là chị của bà Lý Thị Th và ông Lý Vàng G. Ông Q, ông X là con của người chị thứ ba, bà biết giữa các em và cháu tranh chấp đất với nhau, phần đất từ nền nhà ông X đến cái đìa gần nhà ông G là đất của Thạch D3 (cha ruột ông X) nên bà không có tranh chấp, riêng phần đất từ cái đìa đến vách nhà ông G là của cha mẹ để lại cho bà, bà Lý Thị Th3, bà Lý Thị Th và ông Lý Vàng G sử dụng. Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Q đòi đất, do đất này cha mẹ để lại, phần của cha ông Q thì bà không tranh chấp hoặc yêu cầu gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý S1 trình bày:

Ông không tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu dành 10m ngang, dài hết thửa đất cho các cô, chú làm nơi xây tháp thờ cho ông bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý S trình bày:

Ông là con của ông Lý S2. Ông biết việc tranh chấp giữa ông Q và bà Th. Đối với đất tranh chấp tại thửa số 12 từ nền nhà ông X đến giáp vách nhà ông G thì nguồn gốc đất là của ông bà nội. Phần đất này ông bà nội cho cha ông sử dụng, một thời gian sau cha ông giao cho phía gia đình ông X sử dụng chung đến nay. Ông không có tranh chấp quyền sử dụng đất cũng như không có yêu cầu chia thừa kế phần đất tranh chấp. Về ranh đất sử dụng giữa gia đình ông Q và ông G có cái đìa làm ranh, phần đất có cây me là của ông G, ông không có tranh chấp đất với ông Q và ông G.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị D2 trình bày:

Bà là con của ông Lý S2 và là chị của ông Lý Tr, việc tranh chấp đất giữa ông Q với bà Th thì phần đất tranh chấp từ giáp ranh nền nhà của bà đến đất ông G không liên quan đến bà. Nguồn gốc đất là của ông bà nội nhưng các gia đình đã được chia phần sử dụng ổn định, bà không có tranh chấp và chia thừa kế đất nêu trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Tr trình bày:

Ông là con của bà Lý Thị H2 và ông Lý S2, cha mẹ có 07 người con gồm Lý S, Lý Ch, Lý Nh, Lý Thị X, Lý S1, Lý Thị D2 và ông. Cha ông là anh ruột của bà Lý Thị Th, ông G, còn ông Q và ông X là anh cô cậu với ông. Ông biết việc tranh chấp giữa ông Q và bà Th. Đối với đất tranh chấp tại thửa số 12 từ nền nhà ông X đến giáp vách nhà ông G thì ông có chứng kiến Tòa án đo đất. Nguồn gốc của ông bà nội đã chia cho con, cháu sử dụng ổn định, ông không tranh chấp và không yêu cầu chia sử dụng đất nêu trên.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Ch, bà Lý Thị X:

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông bà cho rằng việc tranh chấp không có liên quan đến ông, bà nên không đồng ý cung cấp lời khai và vắng mặt.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch H, bà Thạch Thị H1, ông Hồ Thanh B, ông Hồ Thanh Q1, ông Lý Quang M, ông Lý Văn D1, ông Lý Hoàng A:

Trong quá trình giải quyết vụ án, các ông, bà không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và vắng mặt.

Tại Bản án số 99/2023/DS-ST ngày 29/9/2023, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 651, Điều 652 Bộ luật Dân sự; Điều 6, Điều 166 Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thạch Q.

- Quyền sử dụng thửa đất số 12, diện tích 2.364,5m^2, tờ bản đồ số 121, tọa lạc ấp X, thị trấn Ph, huyện Th, tỉnh Sóc Trăng là tài sản của cụ Thạch D3 và cụ Lý Thị S2 chết để lại. Cụ Thạch D3 và cụ Lý Thị S2 chết, công nhận cho người thừa kế là ông Thạch Q, ông Thạch S (X) và bà Lý Thị Xà R (chết, có người thừa kế là bà Thạch Thị Th1, ông Hồ Thanh B và Hồ Thanh Q1) được quyền sử dụng phần đất thửa số 12, diện tích 2.364,5m^2 nêu trên.

Đất có tứ cận: Hướng Đông giáp đất bà Lý Thị D2, có số đo 7,73m + 53,58m; Hướng Tây giáp phần đất thửa số 16 của ông Lý Vàng G, có số đo 3,25m + 33,15m; Hướng Nam giáp đất của ông Lý Vàng G và ông Lý Tr, có số đo 12,97m + 5,57m + 30,85m; Hướng Bắc giáp rạch Nàng Rền (mất hiện trạng), có số đo 52,32m.

- Buộc bà Lý Thị Th và ông Lý Vàng G giao trả cho ông Thạch Q, ông Thạch S (X) và bà Lý Thị Xà R (chết, có người thừa kế là bà Thạch Thị Th1, ông Hồ Thanh B và Hồ Thanh Q1) phần đất thửa số 12, diện tích 658,1m^2, tờ bản đồ số 121, tọa lạc ấp X, thị trấn Ph, huyện Th, tỉnh Sóc Trăng.

Phần đất thửa số 12, diện tích 658,1m^2 có tứ cận: Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa số 12 (không tranh chấp), có số đo 5,13m + 7,01m + 33,02m; Hướng Tây giáp phần đất thửa số 16 của ông Lý Vàng G, có số đo 3,25m + 33,15m; Hướng Nam giáp đất của ông Lý Vàng G và ông Lý Tr, có số đo 12,97m; Hướng Bắc giáp rạch Nàng Rền (mất hiện trạng), có số đo 21,61m.

(Có sơ đồ kèm theo)

- Buộc ông Thạch Q bồi thường cho ông Lý Vàng G số tiền 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm thi hành án.

Ngoài ra, trong bản án còn quyết định về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 12/10/2023, người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Lý Thị Th là ông Dương Phấn Kh có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Thạch Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Thạch S (X), Hồ Anh D, Hồ Thanh B, Hồ Thanh Q1, Lý Quang M, Lý Văn D1, Lý Hoàng A, Lý S, Lý S1, Lý Ch, Lý Nh, Lý Tr, bà Lý Thị Th3, Danh Thị Th4 (Ph), Lý Thị X, Lý Thị D2 vắng mặt không có lý do; còn ông Thạch H và bà Thạch Thị H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ông Q không rút đơn khởi kiện.

Ông Kh xin thay đổi kháng cáo, chỉ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không

chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q đối với phần đất tranh chấp diện tích 658,1m^2.

Các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ D3 và cụ S2, việc sử dụng đất gia đình có kê khai, đứng tên trên sổ mục kê, sau khi cụ D3 và bà S2 qua đời thì ông Q, ông X, bà Xà R quản lý, sử dụng. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bà Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Đối với yêu cầu kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bà Th là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Thạch S (X), Thạch H, Hồ Anh D, Hồ Thanh B, Hồ Thanh Q1, Lý Quang M, Lý Văn D1, Lý Hoàng A, Lý S, Lý S1, Lý Ch, Lý Nh, Lý Tr, bà Thạch Thị H1, Lý Thị Th3, Danh Thị Th4 (Ph), Lý Thị X và Lý Thị D2: Những người này không có kháng cáo, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, đối với ông Hậu, bà Hiếu có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, những người còn lại thì không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án mà không hoãn phiên tòa.

[2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Theo văn bản ủy quyền ngày 17/02/2022 (bút lục 132) thì ông Dương Phấn Kh được quyền thay mặt bà Lý Thị Th kháng cáo bản án. Ông Kh nộp đơn kháng cáo cho Tòa án qua đường dịch vụ bưu chính vào ngày 12/10/2023. Như vậy, đơn kháng cáo của ông Kh đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, đúng người có quyền kháng cáo, còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện để giải quyết, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Kh xin thay đổi kháng cáo, chỉ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q đối với phần đất tranh chấp diện tích 658,1m^2. Việc thay đổi kháng cáo này không vượt quá

phạm vi kháng cáo ban đầu. Căn cứ khoản 2 Điều 284, Điều 298 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét.

[4] Xét kháng cáo của ông Kh, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[5] Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 121, tọa lạc tại ấp X, thị trấn Ph, huyện Th, tỉnh Sóc Trăng có diện tích thực tế là 2.367,5m^2. Ông Q cho rằng toàn bộ diện tích đất này là của cha mẹ ông chết để lại, không có di chúc, trong đó có phần diện tích đang tranh chấp với bà Th và ông G là 658,1m^2 nên ông yêu cầu Tòa án công nhận toàn bộ diện tích thửa đất số 12 cho anh, chị, em của ông gồm ông, ông X và bà Xà R; còn bà Th và ông G cho rằng diện tích đất 658,1m^2 là của cụ Sơn Thị Ch1 (mẹ của ông, bà) chết để lại cho con làm nơi xây tháp thờ của gia đình, phần diện tích còn lại của thửa số 12 ông, bà không có tranh chấp với ông Q.

[6] Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng: Thửa đất số 12 có nguồn gốc là của cụ Sơn Thị Ch1. Theo bà Th, ông G, bà Th4, bà Th3 thì cụ Ch1 chia thửa đất số 12, diện tích 1.519m^2 cho cha mẹ ông Q, phần diện tích còn lại cụ Ch1 để lại cho các con xây tháp thờ. Qua lời khai của ông G, bà Th3 thì thời điểm cụ Ch1 còn sống không cư trú, không quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp, vị trí nhà ở của cụ Ch1 trước đây tại phần đất thửa số 16 của ông G (vị trí nhà tiền chế hiện nay của ông G). Theo lời khai của ông Lý Tr (con ông Lý S2, ông S2 là anh ruột của bà Th, ông G) thì phần đất thửa số 12 của ông, bà nội ông đã chia cho các cháu sử dụng ổn định (bút lục 179). Lời khai của ông Lý S (con ông Lý S2) xác định: *"....đối với đất tranh chấp tại thửa số 12 từ nền nhà ông X đến giáp vách nhà ông G thì nguồn gốc đất là của ông bà nội. Phần đất này ông bà nội cho cha ông sử dụng, một thời gian sau cha ông giao phía gia đình ông X sử dụng chung đến nay...."*. Những người làm chứng như ông Diệp T2, Danh U, Danh Q2, Nguyễn Văn T3, Hứa Thanh P, Nguyễn Văn Ng (sống gần nhà) đều xác định đối với thửa đất số 12 trước năm 1966 được vợ chồng cụ Lý C, cụ Lý Thị S2 cất nhà ở, sau đó cụ C chết, cụ S2 lấy cụ Thạch D3, cụ S2 và cụ D3 tiếp tục ở trên phần đất này từ năm 1975 cho đến khi cụ D3 mất thì ông Q quản lý, sử dụng cho đến nay.

[7] Tại Công văn số 1170/UBND-VP ngày 29/11/2022 (bút lục 183), Ủy ban nhân dân huyện Th cung cấp thông tin về phần đất tranh chấp cho Tòa án biết như sau: *"1. Căn cứ vào sổ mục kê đất đai năm 2014 thể hiện thửa đất số 12, tờ bản đồ số 121, đất tọa lạc tại ấp X, thị trấn Ph, huyện Th, tỉnh Sóc Trăng do ông Thạch Q đứng tên (photo kèm theo sổ mục kê đất đai). 2. Trong sổ mục kê đất đai thể hiện thửa đất số 12, tờ bản đồ số 121, loại đất: ODT + LNK (trong đó thổ cư là 200m^2, không thể hiện vị trí đất thổ cư). 3. Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 121, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất ở đô thị. Sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật nếu thửa đất đủ điều kiện vẫn được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất."* và tại Công văn số 292/CV-CNTT ngày 31/7/2023 (bút lục 186), Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Th xác định: *"Qua đối chiếu dữ liệu lưu trữ và hồ sơ địa chính tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Th, hiện tại thửa 12, tờ bản đồ số 121, đất tọa lạc*

tại ấp X, thị trấn Ph, huyện Th, tỉnh Sóc Trăng do ông Thạch Q đứng tên trong sổ mục kê (kê khai theo dự án đo đạc tổng thể), thuộc thửa đất số 419 cũ, tờ bản đồ số 07 cũ do ông Thạch G1 đứng tên trong sổ mục kê ruộng đất.”.

[8] Như vậy, lúc còn sống cụ Ch1 đã chia phần đất tại thửa số 12 cho phía gia đình ông Q và trong quá trình sử dụng đất, cha ông Q là cụ Thạch D3 (G1), sau đó là ông Q có thực hiện kê khai sử dụng đất và đứng tên trong sổ mục kê ruộng đất.

[9] Bà Th, ông G, bà Th4, bà Th3 phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của ông Q nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Ông G cho rằng ông là người quản lý, sử dụng đất tranh chấp nhưng cũng không chứng minh được quá trình quản lý, sử dụng đất, giữa đất ông G và phần đất tranh chấp có cái đìa (mương) làm ranh, đến năm 2020 mới tiến hành đổ đất sử dụng thì phát sinh tranh chấp với ông Q; đối với 02 cây me của ông G được trồng đúng vị trí giáp ranh ngay bờ đìa, khi trưởng thành thì nghiêng lệch qua phần đất thửa số 12 cho nên mới nằm trong đất tranh chấp.

[10] Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ căn cứ xác định diện tích đất 2.364,5m^2 (trong đó có diện tích 658,1m^2 tranh chấp với bà Th, ông G) là của cụ Thạch D3 và cụ Lý Thị S2 chết để lại. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q, công nhận cho người thừa kế của cụ D3, cụ S2 gồm có ông Q, ông X và bà Xà R (chết, có người thừa kế là Hồ Thanh B, Hồ Thanh Q1 và Thạch Thị Th1) được quyền sử dụng đất thửa số 12, diện tích 2.364,5m^2 (trong đó có diện tích đất tranh chấp với bà Th, ông G 658,1m^2), tờ bản đồ số 121, tọa lạc tại ấp X, thị trấn Ph, huyện Th và buộc bà Th, ông G giao trả phần đất tranh chấp diện tích 658,1m^2 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[11] Ông Kh kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q về việc yêu cầu bà Th, ông G trả lại diện tích đất 658,1m^2, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới thể hiện phần đất tranh chấp là của mẹ bà Th chết để lại cho anh, chị. em bà Th làm nơi xây tháp thờ của gia đình nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận.

[12] Ngoài ra, cấp sơ thẩm buộc ông Q bồi thường cho ông G giá trị 02 cây me với số tiền 2.800.000 đồng nhưng lại không tuyên cho ông Q được toàn quyền sở hữu 02 cây me là có thiếu sót nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bổ sung cho đầy đủ và nêu lên để cấp sơ thẩm nghiêm túc rút kinh nghiệm, không để xảy ra sai sót tương tự.

[13] Các phần khác trong quyết định của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[14] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Kh, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[14] Về án phí dân sự phúc thẩm: Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *"Đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nếu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, trừ trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí phúc thẩm"* và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết này cũng quy định những trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí trong đó có đối tượng là người cao tuổi. Như vậy, người đại diện hợp pháp của bà Th kháng cáo không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận và bà Th là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận miễn án phí phúc thẩm cho bà.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 284, Điều 298, khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Lý Thị Th là ông Dương Phấn Kh.

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 99/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 651, Điều 652 Bộ luật Dân sự; Điều 6, Điều 166 Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thạch Q.

Công nhận quyền sử dụng thửa đất số 12, diện tích 2.364,5m^2, loại đất: ODT+LNK, tờ bản đồ số 121, tọa lạc ấp X, thị trấn Ph, huyện Th, tỉnh Sóc Trăng là tài sản của cụ Thạch D3 và cụ Lý Thị S2 chết để lại. Cụ Thạch D3 và cụ Lý Thị S2 chết, công nhận cho người thừa kế là ông Thạch Q, ông Thạch S (X) và bà Lý Thị Xà R (chết, người thừa kế là Thạch Thị Th1, Hồ Thanh B và Hồ Thanh Q1) được quyền sử dụng phần đất thửa số 12, diện tích 2.364,5m^2 nêu trên. Đất có tứ cận:

- Hướng Đông giáp đất bà Lý Thị D2, có số đo 7,73m + 53,58m;

- Hướng Tây giáp phần đất thửa số 16 của ông Lý Vàng G, có số đo 3,25m + 33,15m;

- Hướng Nam giáp đất của ông Lý Vàng G và ông Lý Tr, có số đo 12,97m + 5,57m + 30,85m;

- Hướng Bắc giáp rạch Nàng Rền (mất hiện trạng), có số đo 52,32m.

Buộc bà Lý Thị Th và ông Lý Vàng G giao trả cho ông Thạch Q, ông Thạch S (X) và bà Lý Thị Xà R (chết, người thừa kế là Thạch Thị Th1, Hồ Thanh B và Hồ Thanh Q1) diện tích đất 658,1m^2, loại đất: LNK, thuộc thửa số 12, tờ bản đồ số 121, tọa lạc ấp X, thị trấn Ph, huyện Th, tỉnh Sóc Trăng, có tứ cận:

- Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa số 12 (không tranh chấp), có số đo 5,13m + 7,01m + 33,02m;

- Hướng Tây giáp phần đất thửa số 16 của ông Lý Vàng G, có số đo 3,25m + 33,15m;

- Hướng Nam giáp đất của ông Lý Vàng G và ông Lý Tr, có số đo 12,97m;

- Hướng Bắc giáp rạch Nàng Rền (mất hiện trạng), có số đo 21,61m.

(Có sơ đồ kèm theo)

Ông Thạch Q được toàn quyền sở hữu 02 cây me ngã qua phần đất nêu trên.

1.2. Buộc ông Thạch Q có nghĩa vụ bồi thường cho ông Lý Vàng G giá trị 02 cây me với số tiền 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong; hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm thi hành án.

1.3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Bà Lý Thị Th phải chịu là 1.948.000 đồng (Một triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn đồng), ông Thạch Q phải chịu là 5.059.829 đồng (Năm triệu không trăm năm mươi chín nghìn tám trăm hai mươi chín đồng). Ông Thạch Q đã nộp tạm ứng trước toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nên đã thực hiện xong. Bà Lý Thị Th phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Thạch Q số tiền 1.948.000 đồng (Một triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

1.4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Thạch Q, bà Lý Thị Th và ông Lý Vàng G được miễn.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lý Thị Th được miễn.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Thạnh Trị;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Th;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Lâm